

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 0901

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Việc bảo vệ môi trường có hiệu quả ở Đồng Nam Bộ góp phần chủ yếu để

- A. phát triển kinh tế bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.
- B. phát triển công nghiệp tập trung, tạo nhiều việc làm cho người lao động.
- C. hình thành khu công nghiệp, vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.
- D. tăng cường khai thác nguồn lợi sinh vật, đa dạng sản phẩm nông nghiệp.

Câu 2. Phân bố dân cư nước ta hiện nay có đặc điểm là

- A. đồng đều giữa đồng bằng với miền núi.
- B. phân bố hợp lý giữa các vùng lãnh thổ.
- C. khác nhau giữa thành thị với nông thôn.
- D. mật độ rất cao ở các vùng ven biên giới.

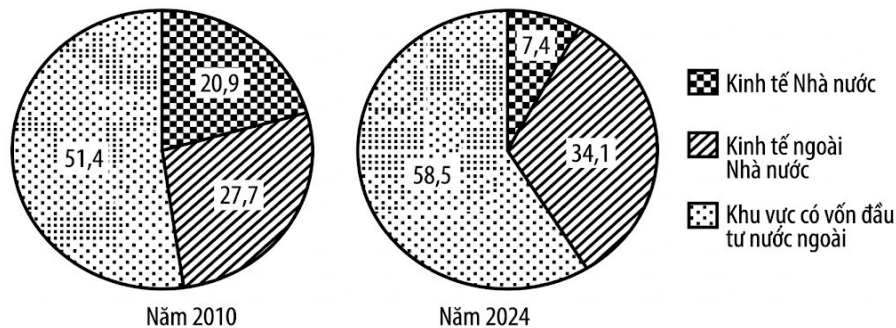
Câu 3. Loại thiên tai nào sau đây thường xảy ra vào mùa khô ở nước ta?

- A. Sương muối.
- B. Hạn hán.
- C. Động đất.
- D. Ngập lụt.

Câu 4. Nam Trung Bộ (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên) hiện nay có thế mạnh để phát triển

- A. chăn nuôi vịt đàn, nhiệt điện khí.
- B. khai thác hải sản, cây công nghiệp lâu năm.
- C. du lịch sông nước, chăn nuôi gia cầm.
- D. chuyên canh cây lúa, cây ăn quả.

Câu 5. Cho biểu đồ sau:



Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2010 và 2024

(Đơn vị %)

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỷ trọng kinh tế Nhà nước giảm, tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.
- B. Tỷ trọng của tất cả các thành phần kinh tế đều có xu hướng tăng liên tục.
- C. Thành phần kinh tế ngoài Nhà nước luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cả hai năm.
- D. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp năm 2024 không thay đổi so với năm 2010.

Câu 6. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay phát triển nhanh chủ yếu do

- A. giàu tài nguyên khoáng sản, vị trí địa lý thuận lợi.
- B. lao động dồi dào, lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- C. thu hút đầu tư nước ngoài, trình độ lao động cao.
- D. thị trường tiêu thụ rộng lớn, có nhiều khu công nghiệp.

Câu 7. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình

- A. đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo chiều rộng.
- B. dịch chuyển công nghiệp lên khu vực đồi núi.
- C. chủ yếu dựa vào ngành công nghiệp và nông nghiệp.
- D. chuyển đổi toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội.

Câu 8. Vị trí địa lý của Bắc Trung Bộ

- A. tiếp giáp với Đông Nam Bộ.
- B. giáp Trung Quốc ở phía bắc.
- C. giáp vịnh Thái Lan ở phía nam.
- D. tiếp giáp với Lào ở phía tây.

Câu 9. Ngành du lịch ở nước ta hiện nay

- A. chưa hình thành trung tâm du lịch. B. có số lượt du khách luôn ổn định.
C. chỉ tập trung phát triển du lịch biển. D. phát triển mạnh ở nhiều địa phương.
- Câu 10.** Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều thuận lợi để phát triển
A. trồng cây lương thực quy mô lớn. B. cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới.
C. chăn nuôi các loại gia cầm và bò. D. cây trồng cận nhiệt đới và ôn đới.
- Câu 11.** Đặc điểm tự nhiên chủ yếu nào sau đây làm cho miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có thể phát triển mạnh cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới?
A. Vị trí gần chí tuyến Bắc, gió mùa Đông Bắc bị suy yếu, khí hậu có phân hoá.
B. Có nhiều dạng địa hình, đất feralit diện tích lớn, mạng lưới sông hồ dày đặc.
C. Nhiều núi và cao nguyên badan, vùng đồng bằng rộng lớn, mùa mưa kéo dài.
D. Khí hậu cận xích đạo, gió mùa Đông Bắc suy yếu, nên nhiệt cao quanh năm.
- Câu 12.** Tỉnh nào sau đây của nước ta nằm ở vĩ độ cao nhất?
A. Cà Mau. B. Khánh Hoà. C. Tuyên Quang. D. Điện Biên.
- Câu 13.** Loại hình vận tải nào sau đây có khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn nhất trong cơ cấu vận tải nước ta hiện nay?
A. Đường sắt. B. Đường sông. C. Đường biển. D. Đường bộ.
- Câu 14.** Vùng đất của nước ta
A. chỉ gồm toàn bộ phần đất liền. B. mở rộng đến hết vùng lãnh hải.
C. có diện tích nhỏ hơn vùng biển. D. trải dài theo chiều đông - tây.
- Câu 15.** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của địa hình nước ta biểu hiện qua đặc điểm nào sau đây?
A. Xâm thực mạnh ở đồi núi, bồi tụ ở đồng bằng.
B. Địa hình có nhiều cao nguyên và đồi núi thấp.
C. Địa hình cao ở tây bắc thấp dần về đông nam.
D. Vùng đồi núi có diện tích lớn hơn đồng bằng.
- Câu 16.** Biện pháp chủ yếu thúc đẩy sản xuất lương thực thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long là
A. bảo vệ rừng, thúc đẩy hợp tác quốc tế, đẩy mạnh thâm canh.
B. phát triển thủy lợi, thay đổi cơ cấu mùa vụ, đầu tư giống mới.
C. trồng lúa cao sản, tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.
D. phát triển hạ tầng, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.
- Câu 17.** Đô thị ở nước ta hiện nay
A. được phân cấp ra nhiều loại đô thị. B. phân bố chủ yếu ở đồi núi phía tây.
C. phát triển theo xu hướng xanh hoá. D. có mật độ dân số thấp hơn nông thôn.
- Câu 18.** Các vật nuôi nào sau đây ở nước ta là gia cầm?
A. Trâu, bò. B. Vịt, gà. C. Lợn, dê. D. Bò, gà.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên đất liền. Tổng lượng nước của sông ngòi nước ta khoảng 839 tỉ m³/năm. Tổng lượng phù sa các hệ thống sông khoảng 200 triệu tấn/năm. Chế độ dòng chảy phân mùa rõ rệt, mùa lũ từ 4 - 5 tháng và trùng với mùa mưa, mùa cạn từ 7 - 8 tháng và trùng với mùa khô.

- a) Tổng lượng phù sa lớn do quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi.
b) Chế độ dòng chảy phân mùa rõ rệt do đặc điểm của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa quy định.
c) Sông ngòi nước ta nhiều nước, giàu phù sa quanh năm.
d) Nguồn nước dồi dào, phân hoá theo mùa rõ rệt, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tăng vụ và đa dạng hóa cơ cấu cây trồng vật nuôi.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và nuôi trồng thủy sản. Vùng biển với hơn 2000 loài cá, nhiều loài giáp xác, thân mềm và rong biển, trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế cao; vùng ven biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông. Giá trị sản xuất cũng như sản lượng thủy sản ngày càng có xu hướng tăng, trong đó sản lượng nuôi trồng luôn cao hơn sản lượng khai thác.

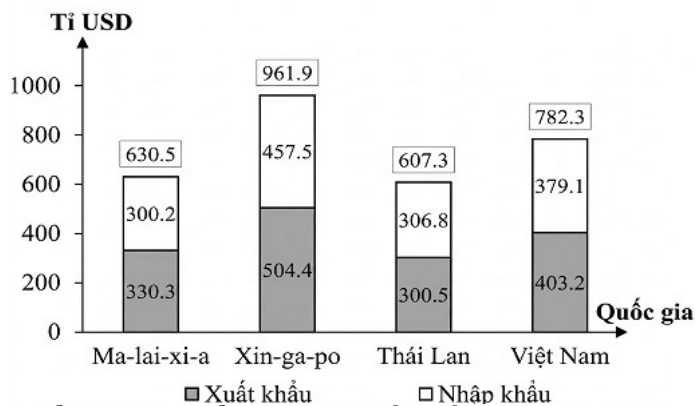
- a) Hoạt động khai thác thủy sản xa bờ được đẩy mạnh, chú trọng kiểm soát vùng đánh bắt và truy xuất nguồn gốc.
- b) Sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm tỉ trọng cao chủ yếu do diện tích mặt nước lớn, giống, thức ăn, kĩ thuật đảm bảo, nhu cầu của thị trường tăng.
- c) Vùng biển nước ta có ít nguồn lợi thủy sản.
- d) Vùng ven biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông là điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh khai thác thủy sản.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, địa hình thấp, mạng lưới sông ngòi dày đặc. Vùng có lợi thế về phát triển nông nghiệp, du lịch, năng lượng tái tạo, kinh tế biển,... Tuy nhiên, vùng cũng phải đối mặt với không ít hạn chế như mùa khô kéo dài, thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn, triều cường và những thách thức lớn trước tác động của biến đổi khí hậu. Vì vậy, việc sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long đòi hỏi phải đi đôi với cải tạo.

- a) Khó khăn chủ yếu trong sử dụng hợp lí tự nhiên của vùng là kinh tế chưa phát triển mạnh, mất cân bằng nguồn nước, diện tích đất phèn và mặn lớn.
- b) Vùng có thể mạnh để phát triển loại hình du lịch sông nước.
- c) Vùng cần thực hiện các biện pháp cải tạo, sử dụng tự nhiên hợp lí do có diện tích đất phù sa sông lớn, diện tích rừng ngập mặn nhiều.
- d) Chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, xây dựng hệ thống đê biển ngăn mặn triệt để là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:



Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2024

(Nguồn: ASEAN 2025 Statistical Highlights 2025, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Xin-ga-po có cán cân xuất nhập khẩu lớn gấp hơn 1,9 lần cán cân xuất nhập khẩu của Việt Nam.
- b) Thái Lan là nước nhập siêu, các nước còn lại đều xuất siêu.
- c) Tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam lớn nhất.
- d) Ma-lai-xi-a là nước có cán cân thương mại nhỏ nhất.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Quy Nhơn, năm 2024

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	24,7	25,5	26,5	28,5	30,3	30,4	30,3	30,5	30,2	27,3	26,6	24,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình của năm 2024 tại trạm quan trắc Quy Nhơn là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Năm 2024, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 786,9 tỉ USD, trị giá xuất khẩu hàng hóa là 405,9 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2024 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Năm 2024, số dân của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 15,8 triệu người, diện tích của vùng là 36,4 nghìn km². Hãy cho biết mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2024 là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước là 6 447 nghìn tỉ đồng, trong đó Đông Nam Bộ đạt 1 863 nghìn tỉ đồng. Hãy cho biết tỉ trọng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ trong tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Số dân và sản lượng lúa của nước ta năm 2010 và năm 2024

Năm	2010	2024
Sản lượng (triệu tấn)	40,0	43,5
Số dân (triệu người)	87,1	101,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2011, 2025; NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết bình quân sản lượng lúa theo đầu người của nước ta năm 2024 so với năm 2010 giảm bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Mực nước sông Đà (trạm Lai Châu) và sông Mã (trạm Xã Là), năm 2024

(Đơn vị: cm)

Mực nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	21 526	19 705
Sông Mã	28 268	27 701

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024, chênh lệch giữa mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Đà (trạm Lai Châu) lớn hơn chênh lệch giữa mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Mã (trạm Xã Là) bao nhiêu cm (lấy kết quả đến hàng đơn vị).

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	A	C	B	B	A	C	D	D	D
Câu	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	D	D	C	D	C	A	B	A	B

PHẦN II

Câu	a	b	c	d
Câu 1	Đ	Đ	S	Đ
Câu 2	Đ	Đ	S	S

Câu	a	b	c	d
Câu 3	S	Đ	S	S
Câu 4	Đ	Đ	S	S

PHẦN III

Câu	Kết quả
Câu 1	27,9 °C
Câu 2	24,9 tỉ USD
Câu 3	434 người/km ²
Câu 4	28,9%
Câu 5	29,8 kg/người
Câu 6	1254 cm

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chọn A

Việc bảo vệ môi trường ở Đông Nam Bộ có ý nghĩa rất quan trọng vì đây là vùng kinh tế phát triển mạnh, tập trung công nghiệp, đô thị và dân cư đông. Nếu môi trường được bảo vệ tốt thì phát triển kinh tế sẽ bền vững hơn, đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Các phương án B, C, D chỉ nói đến phát triển công nghiệp, khu công nghiệp hoặc khai thác tài nguyên, chưa thể hiện đầy đủ ý nghĩa chủ yếu của bảo vệ môi trường.

Đáp án: A.

Câu 2. Chọn C

Dân cư nước ta phân bố không đều. Một biểu hiện rõ là sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn: dân cư tập trung đông ở các đô thị, trong khi nông thôn có đặc điểm phân bố khác.

A sai vì dân cư không đồng đều giữa đồng bằng và miền núi.

B sai vì phân bố dân cư nước ta chưa hợp lí giữa các vùng lãnh thổ.

D sai vì vùng ven biển giới thường có mật độ dân số thấp hơn đồng bằng, đô thị.

Đáp án: C.

Câu 3. Chọn B

Vào mùa khô, lượng mưa giảm, nhiệt độ cao, bốc hơi mạnh nên nước ta thường xảy ra hạn hán, đặc biệt ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

Sương muối thường xảy ra vào mùa đông ở vùng núi cao.

Ngập lụt thường xảy ra vào mùa mưa.

Động đất không phải thiên tai đặc trưng theo mùa khô.

Đáp án: B.

Câu 4. Chọn B

Nam Trung Bộ trong đề gồm Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Duyên hải Nam Trung Bộ có thể mạnh khai thác hải sản nhờ vùng biển rộng, nhiều ngư trường. Tây Nguyên có thể mạnh cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su, hồ tiêu, chè.

Vì vậy, thế mạnh phù hợp là **khai thác hải sản, cây công nghiệp lâu năm**.

Đáp án: B.

Câu 5. Chọn A

Từ biểu đồ:

- Kinh tế Nhà nước giảm từ 20,9% xuống 7,4%.
- Kinh tế ngoài Nhà nước tăng từ 27,7% lên 34,1%.
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 51,4% lên 58,5%.

Nhận xét đúng là: tỉ trọng kinh tế Nhà nước giảm, tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

B sai vì không phải tất cả đều tăng, kinh tế Nhà nước giảm.

C sai vì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài mới chiếm tỉ trọng cao nhất.

D sai vì cơ cấu năm 2024 có thay đổi rõ so với năm 2010.

Đáp án: A.

Câu 6. Chọn C

Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở Đồng bằng sông Hồng phát triển nhanh chủ yếu do vùng này thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài, có nguồn lao động chất lượng cao, trình độ kỹ thuật và cơ sở hạ tầng tốt.

A sai vì ngành điện tử, máy vi tính không phụ thuộc chủ yếu vào tài nguyên khoáng sản.

B đúng một phần về lao động nhưng chưa đủ, “lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời” không phải nguyên nhân chủ yếu.

D có thị trường và khu công nghiệp nhưng chưa phải nguyên nhân chủ yếu nhất.

Đáp án: C.

Câu 7. Chọn D

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá không chỉ là phát triển riêng công nghiệp mà là quá trình chuyển đổi toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội: thay đổi cơ cấu ngành, cơ cấu lao động, cơ cấu lãnh thổ, ứng dụng khoa học - công nghệ.

Đáp án: D.

Câu 8. Chọn D

Bắc Trung Bộ nằm ở miền Trung nước ta, phía tây tiếp giáp với Lào. Đây là đặc điểm quan trọng về vị trí địa lí của vùng.

- A sai vì Bắc Trung Bộ không tiếp giáp Đông Nam Bộ.
- B sai vì vùng không giáp Trung Quốc.
- C sai vì vùng không giáp vịnh Thái Lan.

Đáp án: D.

Câu 9. Chọn D

Ngành du lịch nước ta hiện nay phát triển mạnh ở nhiều địa phương nhờ tài nguyên du lịch phong phú, cơ sở hạ tầng được đầu tư và nhu cầu du lịch tăng.

- A sai vì nước ta đã hình thành nhiều trung tâm du lịch.
- B sai vì số lượt khách du lịch không phải luôn ổn định, có biến động.
- C sai vì du lịch không chỉ tập trung vào biển mà còn có du lịch văn hoá, sinh thái, nghỉ dưỡng, cộng đồng,...

Đáp án: D.

Câu 10. Chọn D

Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu phân hoá theo độ cao, mùa đông lạnh, thuận lợi phát triển cây trồng cận nhiệt đới và ôn đới như chè, rau quả cận nhiệt, cây dược liệu, mận, đào,...

- A sai vì vùng này không có thể mạnh trồng cây lương thực quy mô lớn bằng các đồng bằng.
- B sai vì cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới phát triển mạnh hơn ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
- C không phải thể mạnh nổi bật nhất.

Đáp án: D.

Câu 11. Chọn D

Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, gió mùa Đông Bắc suy yếu, nền nhiệt cao quanh năm. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh các cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới.

Các phương án A, B, C có một số yếu tố đúng nhưng chưa nêu đúng nguyên nhân chủ yếu nhất về khí hậu.

Đáp án: D.

Câu 12. Chọn C

Trong các tỉnh đã cho, Tuyên Quang nằm ở vĩ độ cao hơn so với Cà Mau, Khánh Hoà và Điện Biên. Vĩ độ càng cao tức là vị trí càng về phía bắc.

- Cà Mau nằm rất xa về phía nam.
- Khánh Hoà thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Điện Biên ở Tây Bắc nhưng cực bắc không cao bằng Tuyên Quang trong các lựa chọn này.

Đáp án: C.

Câu 13. Chọn D

Ở nước ta hiện nay, loại hình vận tải có khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn nhất là đường bộ. Đường bộ có mạng lưới rộng khắp, linh hoạt, phù hợp vận chuyển hàng hoá trên nhiều cự li.

Lưu ý: nếu hỏi về khối lượng hàng hoá luân chuyển thì đường biển thường có vai trò lớn, nhưng đề hỏi **khối lượng hàng hoá vận chuyển**, nên chọn đường bộ.

Đáp án: D.

Câu 14. Chọn C

Vùng đất của nước ta gồm đất liền và các đảo, quần đảo. Diện tích vùng đất nhỏ hơn diện tích vùng biển của nước ta.

A sai vì vùng đất không chỉ gồm đất liền mà còn gồm đảo, quần đảo.

B sai vì lãnh hải thuộc vùng biển, không phải vùng đất.

D sai vì lãnh thổ nước ta kéo dài chủ yếu theo chiều bắc - nam.

Đáp án: C.

Câu 15. Chọn A

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của địa hình nước ta biểu hiện rõ qua quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi và bồi tụ nhanh ở đồng bằng. Mưa nhiều, nhiệt ẩm cao làm phong hoá, rửa trôi, xói mòn mạnh; vật liệu được sông ngòi vận chuyển và bồi tụ ở hạ lưu.

Đáp án: A.

Câu 16. Chọn B

Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán, thiếu nước ngọt. Biện pháp chủ yếu để thúc đẩy sản xuất lương thực thích ứng là phát triển thuỷ lợi, thay đổi cơ cấu mùa vụ, đầu tư giống mới chịu hạn, chịu mặn.

A, C, D đều có yếu tố đúng nhưng chưa trực tiếp và chủ yếu bằng phương án B.

Đáp án: B.

Câu 17. Chọn A

Đô thị nước ta hiện nay được phân cấp thành nhiều loại đô thị theo quy mô, chức năng, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và vai trò trong mạng lưới đô thị.

B sai vì đô thị không phân bố chủ yếu ở đồi núi phía tây.

C là xu hướng có thể được quan tâm nhưng không phải đặc điểm cơ bản nhất theo nội dung câu hỏi.

D sai vì đô thị thường có mật độ dân số cao hơn nông thôn.

Đáp án: A.

Câu 18. Chọn B

Gia cầm là nhóm vật nuôi như gà, vịt, ngan, ngỗng. Vì vậy, trong các phương án, **vịt, gà** là gia cầm.

Trâu, bò, lợn, dê là gia súc.

Đáp án: B.

PHẦN II. ĐÚNG/SAI

Câu 1

Thông tin cho biết sông ngòi nước ta dày đặc, tổng lượng nước lớn, nhiều phù sa, chế độ dòng chảy phân mùa rõ rệt.

a) Đúng

Tổng lượng phù sa lớn là do địa hình đồi núi bị xâm thực, bào mòn mạnh trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Vật liệu bị rửa trôi được sông ngòi vận chuyển về hạ lưu.

Kết luận: Đúng.

b) Đúng

Chế độ dòng chảy phân mùa rõ rệt là do khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa làm cho lượng mưa phân hoá theo mùa. Mùa mưa thì sông nhiều nước, mùa khô thì sông cạn nước hơn.

Kết luận: Đúng.

c) Sai

Sông ngòi nước ta nhiều nước và giàu phù sa, nhưng không phải “quanh năm” theo nghĩa đều đặn trong cả năm. Dòng chảy phân mùa rõ rệt, mùa lũ và mùa cạn khác nhau nhiều.

Kết luận: Sai.

d) Đúng

Nguồn nước dồi dào giúp phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy lợi, nuôi trồng thủy sản. Sự phân hoá theo mùa cũng tạo điều kiện bố trí mùa vụ, tăng vụ và đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, vật nuôi nếu có biện pháp khai thác hợp lý.

Kết luận: Đúng.

Câu 2

Thông tin nói về thuận lợi cho khai thác và nuôi trồng thủy sản ở nước ta.

a) Đúng

Hiện nay hoạt động khai thác thủy sản xa bờ được đẩy mạnh nhằm khai thác tốt hơn nguồn lợi biển, đồng thời cần chú trọng kiểm soát vùng đánh bắt, truy xuất nguồn gốc để bảo vệ nguồn lợi và đáp ứng yêu cầu thị trường.

Kết luận: Đúng.

b) Đúng

Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng và chiếm tỉ trọng cao do nước ta có diện tích mặt nước lớn, điều kiện tự nhiên thuận lợi, giống và thức ăn ngày càng được đảm bảo, kỹ thuật nuôi phát triển, thị trường tiêu thụ tăng.

Kết luận: Đúng.

c) Sai

Vùng biển nước ta có nguồn lợi thủy sản phong phú với hơn 2000 loài cá, nhiều loài giáp xác, thân mềm, rong biển và nhiều loài có giá trị kinh tế cao. Vì vậy nói “có ít nguồn lợi thủy sản” là sai.

Kết luận: Sai.

d) Sai

Vũng vịnh, đầm phá, cửa sông là điều kiện rất thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản, phát triển dịch vụ hậu cần, nơi trú đậu tàu thuyền. Còn khai thác thủy sản, nhất là khai thác xa bờ, phụ thuộc chủ yếu vào nguồn lợi biển, ngư trường, phương tiện và lao động. Vì vậy nói đây là điều kiện để “đẩy mạnh khai thác thủy sản” là chưa chính xác.

Kết luận: Sai.

Câu 3

Thông tin nói về Đồng bằng sông Cửu Long, một vùng có nhiều lợi thế nhưng cũng chịu nhiều khó khăn như mùa khô kéo dài, thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn, triều cường và biến đổi khí hậu.

a) Sai

Khó khăn chủ yếu trong sử dụng hợp lý tự nhiên của vùng là thiếu nước ngọt vào mùa khô, xâm nhập mặn, đất phèn, đất mặn, triều cường, tác động của biến đổi khí hậu. “Kinh tế chưa phát triển mạnh” không phải khó khăn tự nhiên chủ yếu trong sử dụng hợp lý tự nhiên.

Kết luận: Sai.

b) Đúng

Đồng bằng sông Cửu Long có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, cảnh quan sông nước đặc trưng, thuận lợi phát triển du lịch sông nước, du lịch sinh thái, miệt vườn.

Kết luận: Đúng.

c) Sai

Đất phù sa và rừng ngập mặn là những tài nguyên, lợi thế của vùng. Nguyên nhân khiến vùng phải cải tạo và sử dụng hợp lý tự nhiên chủ yếu là do các hạn chế như đất phèn, đất mặn, thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn, triều cường, biến đổi khí hậu.

Kết luận: Sai.

d) Sai

Chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp là hướng đúng, nhưng “xây dựng hệ thống đê biển ngăn mặn triệt để” không phải giải pháp chủ yếu và không phù hợp với định hướng thích ứng linh hoạt. Đồng bằng sông Cửu Long cần thích ứng với mặn, chuyển đổi mùa vụ, cây trồng - vật nuôi, phát triển thủy lợi hợp lý, không phải ngăn mặn triệt để ở mọi nơi.

Kết luận: Sai.

Câu 4

Dữ liệu:

Quốc gia	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Ma-lai-xi-a	330,3	300,2	+30,1
Xin-ga-po	504,4	457,5	+46,9
Thái Lan	300,5	306,8	-6,3
Việt Nam	403,2	379,1	+24,1

Cán cân thương mại = xuất khẩu - nhập khẩu.

a) Đúng

Cán cân thương mại của Xin-ga-po là:

$$504,4 - 457,5 = 46,9 \text{ tỉ USD.}$$

Cán cân thương mại của Việt Nam là:

$$403,2 - 379,1 = 24,1 \text{ tỉ USD.}$$

Tỉ số:

$$46,9 : 24,1 \approx 1,95 \text{ lần.}$$

Như vậy, cán cân thương mại của Xin-ga-po lớn gấp hơn 1,9 lần của Việt Nam.

Kết luận: Đúng.

b) Đúng

Thái Lan có nhập khẩu 306,8 tỉ USD lớn hơn xuất khẩu 300,5 tỉ USD nên nhập siêu 6,3 tỉ USD. Ba nước còn lại đều có xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu nên xuất siêu.

Kết luận: Đúng.

c) Sai

Tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu:

- Xin-ga-po: 961,9 tỉ USD.
- Việt Nam: 782,3 tỉ USD.

Xin-ga-po mới là nước có tổng trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất trong biểu đồ, không phải Việt Nam.

Kết luận: Sai.

d) Sai

Ma-lai-xi-a có cán cân thương mại là +30,1 tỉ USD. Thái Lan có cán cân thương mại là -6,3 tỉ USD, nếu xét giá trị thì nhỏ nhất là Thái Lan. Nếu xét độ chênh lệch tuyệt đối thì Thái Lan cũng nhỏ nhất với 6,3 tỉ USD.

Kết luận: Sai.

PHẦN III. CÂU HỎI TÍNH TOÁN

Câu 1

Bảng nhiệt độ các tháng tại trạm Quy Nhơn năm 2024:

24,7; 25,5; 26,5; 28,5; 30,3; 30,4; 30,3; 30,5; 30,2; 27,3; 26,6; 24,2.

Nhiệt độ trung bình năm = tổng nhiệt độ 12 tháng : 12.

Tổng nhiệt độ 12 tháng là:

$24,7 + 25,5 + 26,5 + 28,5 + 30,3 + 30,4 + 30,3 + 30,5 + 30,2 + 27,3 + 26,6 + 24,2 = 335,0 \text{ } ^\circ\text{C}.$

Nhiệt độ trung bình năm là:

$335,0 : 12 = 27,916...$

Làm tròn đến một chữ số thập phân:

Đáp số: 27,9 °C.

Câu 2

Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2024 là 786,9 tỉ USD.

Trị giá xuất khẩu là 405,9 tỉ USD.

Trị giá nhập khẩu là:

$786,9 - 405,9 = 381,0 \text{ tỉ USD}.$

Cán cân xuất nhập khẩu = xuất khẩu - nhập khẩu.

Cán cân xuất nhập khẩu là:

$405,9 - 381,0 = 24,9 \text{ tỉ USD}.$

Vì kết quả dương nên nước ta xuất siêu.

Đáp số: 24,9 tỉ USD.

Câu 3

Số dân Đồng bằng sông Cửu Long năm 2024 là 15,8 triệu người.

Diện tích vùng là 36,4 nghìn km².

Mật độ dân số = số dân : diện tích.

Đổi đơn vị:

15,8 triệu người = 15 800 000 người.

36,4 nghìn km² = 36 400 km².

Mật độ dân số là:

$15\,800\,000 : 36\,400 \approx 434,065$ người/km².

Làm tròn đến hàng đơn vị:

Đáp số: 434 người/km².

Câu 4

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước là 6 447 nghìn tỉ đồng.

Đông Nam Bộ đạt 1 863 nghìn tỉ đồng.

Tỉ trọng của Đông Nam Bộ là:

$1\,863 : 6\,447 \times 100 \approx 28,897\%$.

Làm tròn đến một chữ số thập phân:

Đáp số: 28,9%.

Câu 5

Bình quân sản lượng lúa theo đầu người = sản lượng lúa : số dân.

Vì sản lượng tính bằng triệu tấn, dân số tính bằng triệu người, nên kết quả ban đầu là tấn/người. Muốn đổi sang kg/người thì nhân với 1000.

Năm 2010:

$40,0 : 87,1 \times 1000 \approx 459,2$ kg/người.

Năm 2024:

$43,5 : 101,3 \times 1000 \approx 429,4$ kg/người.

Mức giảm năm 2024 so với năm 2010 là:

$459,2 - 429,4 = 29,8$ kg/người.

Đáp số: 29,8 kg/người.

Câu 6

Chênh lệch giữa mực nước cao nhất và thấp nhất của sông Đà:

$$21\,526 - 19\,705 = 1\,821 \text{ cm.}$$

Chênh lệch giữa mực nước cao nhất và thấp nhất của sông Mã:

$$28\,268 - 27\,701 = 567 \text{ cm.}$$

Sông Đà lớn hơn sông Mã:

$$1\,821 - 567 = 1\,254 \text{ cm.}$$

Đáp số: 1254 cm.